

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2021/DS-PT
Ngày: 21-12-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

2. Ông Đặng Văn Nhữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nghê K, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 10/03, đường D, Khu phố 1, Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Lý Kim L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 10/01, đường D, Khu phố 1, Phường 1, thị xã T, Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Số 166, ấp 5, xã L1, huyện H, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2021)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An.

2. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Nghê K.

(Ông K, ông T1 và bà M có mặt;

Ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nghê K trình bày:*

Theo đơn khởi kiện ông K yêu cầu bà Lý Kim L trả phần đất có chiều ngang 0,36m, chiều dài 17,36m thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 2-6-1, vị trí đất tại khu phố 1, Phường 1, thị xã T. Tuy nhiên sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì ông K yêu cầu bà L trả phần diện tích đất lấn chiếm theo kết quả xem xét thẩm định, đo đạc ngày 29/7/2020 của Tòa án.

Nội dung tranh chấp và căn cứ khởi kiện:

Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 2-6-1, tại Phường 1, thị xã T được cấp giấy cho ông Nghê K ngày 01/7/2019. Thửa 104 giáp ranh với thửa số 11, tờ bản đồ 2-6-1 của bà Lý Kim L. Trước đây giữa ông K và bà L có tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 7,8m² tại vị trí giáp ranh của hai thửa, đã được Tòa án xét xử công nhận cho ông K và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 103 (sau đó thửa 103 đã nhập với thửa số 10 thành thửa số 104). Theo ông K chiều ngang ở đầu thửa đất của ông là 5,2m nhưng hiện nay mới được cấp giấy 4,84m là còn thiếu 0,36m vì trước đây ông được nhà nước cấp 01 lô đất ngang 4m và mua của bà Lê Thị C ngang 1,2m. Nên yêu cầu bà L trả phần đất còn lại cho đủ ngang 5,2m.

Ngày 29/7/2020, Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, theo kết quả đo đạc thì phần tranh chấp có một đầu rộng 0,3m, ông K không đồng ý vì theo ông phần này phải rộng 0,36m. Tuy nhiên ông không yêu cầu đo đạc lại, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Năm 1985, ông K được Nhà nước cấp một lô đất ngang là 4m, dài 14m theo sơ đồ khu đất, khi giao đất cán bộ địa chính có ra chỉ đất cắm cọc bằng cây, hiện cọc cây không còn. Cùng năm 1985 ông mua thêm của bà Lê Thị C một phần đất ngang 1,2m, dài 17m (nằm cặp phía bắc lô đất được nhà nước cấp), có làm giấy tờ tay đã bị thất lạc, nên ngày 26/5/2018 ông có yêu cầu bà C xác nhận lại, khi mua đất không đo đạc thực tế. Như vậy đất của ông có chiều ngang tổng là 5,2m. Năm 1989, ông xây nhà chiều ngang là 4,42m dôi về phía đất mua của bà C, còn lại phần đất trống ngang 0,78m giáp thửa đất số 11 của bà L để mở cửa sổ và làm lối đi lấy nước. Phần đất đang tranh chấp nằm trong phần đất trống ngang 0,78m. Năm 2000, Nhà nước mở rộng đường D, bà L dôi nhà

dựa sát vào nhà của ông K, ông đồng ý cho mượn, việc này chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 2003, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thửa số 10, tờ bản đồ số 2-6-1, diện tích 111,1m², phần đất trống ngang 0,78m chưa cấp giấy cho ông vì ông nghe nói trừ ra làm lộ giới (việc này ông chỉ nghe nói miệng chứ không có văn bản). Năm 2012 ông K được cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất thửa số 10, diện tích vẫn là 111,1m² do có bổ sung quyền sở hữu nhà trên đất. Năm 2019 ông K được cấp giấy thửa đất số 103, tờ bản đồ số 2-6-1, diện tích 7,8m² theo Bản án số 170/2018/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Sau đó thửa 103 nhập với thửa số 10 thành thửa số 104 diện tích 118,9m².

Trước đây khi Tòa án giải quyết tranh chấp đất giữa ông và bà L, ông không có ý kiến tranh chấp phần này vì bị nhầm lẫn phần tranh chấp diện tích 7,8m² là ngang 0,78m.

** Bị đơn là bà Lý Kim L và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phạm Văn T1 trình bày:*

Bà L và ông Q là vợ chồng, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 2-6-1 của bà L giáp ranh với đất số 104 của ông Nghê K. Bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K vì phần đất đang tranh chấp là của bà L, được cấp trong thửa số 11.

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng thửa đất số 11: Năm 1984, bà L mua của ông Hứa Danh N có chiều ngang 4,5m, dài 7,5m (khi đó đất chưa được cấp giấy và cũng không đo đạc thực tế). Sau đó bà L mua thêm một phần của ông Nguyễn Chí T2 do không đo đạc nên không xác định được là bao nhiêu, sau khi mua đất gia đình bà L cất nhà ở. Năm 1997, Nhà nước có chính sách mở rộng đường D nên bà L đã tự nguyện hiến đất làm đường, việc hiến đất là tự nguyện, không có quyết định thu hồi và cũng không bồi thường nên bà Lan không biết chính xác phần đất bà L hiến cho Nhà nước là bao nhiêu. Sau khi hiến đất làm đường thì bà dời nhà vào sát nhà ông K (hiện nhà đã tháo dỡ). Tuy nhiên bà xác định khoảng đất trống giữa hai nhà trước đây khoảng 0,3m, các bên đã tranh chấp và đã được Tòa án xét xử bằng Bản án số 170/2018/DSPT chấp nhận cho ông K diện tích 7,8m² (ngang 0,42m), bà đã thi hành xong. Còn phần đất hiện ông K đang khởi kiện là đất của bà.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 2002, bà L được cấp lần đầu số thửa 11, diện tích 56,5m². Năm 2019, bà được cấp điều chỉnh lại do thi hành theo bản án số 170/2018/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, diện tích cấp còn 48,7m².

Theo mảnh trích đo địa chính số 143-2020, bà L thống nhất phần đất đã cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thửa đất số 104 là của ông K, bà không tranh chấp và hiện cũng không quản lý sử dụng. Đối với phần đất diện tích đo đạc thực tế 2,4m² là đất của bà L. Phần này không nằm trong khoảng đất trống giữa hai nhà trước đây như ông K trình bày (phần đất trống như ông K trình bày đã

được giải quyết bằng bản án 170/2018/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An). Mặt khác, trong bản án trên ông K có trình bày phần đất trống giữa hai nhà ngang 0,3m, người làm chứng cũng trình bày như trên, nay ông K lại cho rằng ngang 0,78m để yêu cầu bà L trả thêm đất là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Q trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng Lý U, sau đó ông Q có văn bản chấm dứt việc ủy quyền và có văn bản xin vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M có văn bản xin vắng mặt và có trình bày:* Bà M là vợ của ông Nghê K, bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông K, ngoài ra không bổ sung gì thêm.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 25/6/2021, Tòa án nhân dân thị xã T đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nghê K về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Lý Kim L đối với phần diện tích đất 2,4m² thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 2-6-1, vị trí đất tại Phường 1, thị xã T (Theo mảnh trích đo địa chính số 143-2020 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã T duyệt ngày 02/12/2020).

2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nghê K phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá là 6.929.000 đồng. Ông Nghê K đã nộp xong.

3. Về án phí: Ông K được miễn án phí nên không phải nộp án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 02/7/2021, nguyên đơn là ông Nghê K kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Ông K yêu cầu bà Lý Kim L trả 2,4m² đất, loại đất ODT, thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 2-6-1, tọa lạc tại Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 143-2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã T đo vẽ và duyệt ngày 02/12/2020.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Nghê K thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Ông Nghê K kháng cáo yêu cầu bà Lý Kim L trả 2,4m² đất, loại đất ODT, thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 2-6-1, tọa lạc tại Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 143-2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã T đo vẽ và duyệt ngày 02/12/2020. Xét thấy, năm 2003, ông K được cấp giấy thửa số 10, diện tích 111,1m², trong đó có cạnh phía Đông là 4,42m. Năm 2012, ông được cấp đổi cũng với diện tích như trên. Ngày 05/6/2019, ông K được cấp thửa 103, diện tích 7,8m², cạnh phía đông là 0,42m, sau đó thửa số 10 và thửa 103 gộp lại thành thửa 104, ông K cũng đã được cấp giấy đổi với thửa 104 với diện tích 118,9m², cạnh phía đông 4,84m. Ông K cho rằng cạnh phía đông phải là 5,2m do trước đây ông được cấp đất có chiều ngang 4m và ông mua thêm của bà C 1,2m. Xét thấy theo hồ sơ cấp giấy của ông K trước đây là chiều ngang 4m, bà C thì xác nhận chỉ bán cho ông K chiều ngang 0,4m. Do đó ông K không có gì chứng minh phần đất của ông có chiều ngang 5,2m do đó kháng cáo của ông K là không có cơ sở.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nghê K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nghê K thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Do ông Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[3] Về việc ông Nghê K kháng cáo yêu cầu bà Lý Kim L trả 2,4m² đất, loại đất ODT, thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 2-6-1, tọa lạc tại Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 143-2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã T đo vẽ và duyệt ngày 02/12/2020.

Vào ngày 13/9/1985, ông K được UBND huyện H duyệt giao một lô đất có chiều ngang 04m, chiều dài 14m, diện tích 56m², tọa lạc tại đường D, Khu vực I, thị trấn H (nay là thị xã T), tỉnh Long An theo đề nghị số 04/ĐN.85 ngày 13/3/1985 của Ban QLND và CTCC về việc tạm cấp đất cho cán bộ, công nhân viên trong thị trấn. Khi tiến hành giao đất có sơ đồ thửa đất, cán bộ địa chính có xuống giao đất cắm cọc bằng cây, hiện nay cọc không còn. Ông K trình bày cũng trong năm 1985, sau khi được cấp lô đất trên, ông K nhận chuyển nhượng thêm của bà Lê Thị C một phần đất cấp phía Bắc lô đất được nhà nước cấp có chiều ngang 1,2m, chiều dài 17m. Đến ngày 12/12/2003, ông K ông K đăng ký kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa số 10, diện tích 111,1m², loại đất Thổ, thuộc tờ bản đồ số 2-6-1, tọa lạc tại thị trấn H, huyện H (nay là thị xã T), tỉnh Long An. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa số 10 cho ông K là trên cơ sở Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 18/11/1998, Giấy đăng ký nhà ở và đất ở ngày 20/8/1999 và Sơ đồ kỹ thuật thửa đất ngày 12/5/2001. Theo Sơ đồ thửa đất ngày 12/5/2001 thì cạnh phía Đông của thửa số 10 giáp với Hẻm đường D (đan) có chiều ngang là 4,42m. Đến ngày 26/7/2012, ông K được UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 10 cũng với diện tích là 111,1m² nhưng đổi loại đất Thổ thành loại đất ODT.

Vào năm 2016, bà Lý Kim L khởi kiện yêu cầu ông Nghê K trả 7,8m² đất, loại đất ODT, thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 2-6-1, tọa lạc tại Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 170/2018/DS-PT ngày 04/6/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông K trả 7,8m² đất nói trên. Ông K được quyền sử dụng 7,8m² đất, loại đất ODT, tọa lạc tại Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 02-2017 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã T duyệt ngày 05/5/2017. Đến ngày 01/7/2019, ông K được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 104 với tổng diện tích là 118,9m², trong đó gồm 111,1m² thuộc thửa số 10 và 7,8m² đất theo Bản án dân sự phúc thẩm số 170/2018/DS-PT ngày 04/6/2018 nói trên. Theo Sơ đồ thửa đất mà ông K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/7/2019 thì cạnh phía Đông của thửa số 104 giáp với Hẻm đường D có chiều ngang là 4,84m.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu phía bà L trả 0,36m (cạnh phía Đông của thửa số 104 giáp với Hẻm đường D) với lý do vào năm 1985, ông K được Nhà nước cấp

01 lô đất chiều ngang cạnh phía Đông là 04m, sau đó ông nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị C thêm một phần đất có chiều ngang cạnh phía Đông giáp với thửa số 104 là 1,2m, nên tổng chiều ngang là 5,2m nhưng vào năm 2019, ông K mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 104 với chiều ngang cạnh phía Đông là 4,84m, còn thiếu 0,36m.

Xét ngày 13/9/1985, ông K được UBND huyện H duyệt giao một lô đất có chiều ngang 04m, chiều dài 14m, diện tích $56m^2$, tọa lạc tại đường D, Khu vực I, thị trấn H (nay là thị xã T), tỉnh Long An. Đến ngày 12/12/2003, ông K ông K đăng ký kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa số 10, diện tích $111,1m^2$, loại đất Thổ, thuộc tờ bản đồ số 2-6-1, tọa lạc tại thị trấn H, huyện H (nay là thị xã T), tỉnh Long An. Theo Sơ đồ thửa đất ngày 12/5/2001 thì cạnh phía Đông của thửa số 10 giáp với Hẻm đường D (đan) có chiều ngang là 4,42m. Đến ngày 26/7/2012, ông K được UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 10 cũng với diện tích là $111,1m^2$ nhưng đổi loại đất Thổ thành loại đất ODT và cạnh phía Đông của thửa số 10 giáp với Hẻm đường D (đan) cũng có chiều ngang là 4,42m. Tại Biên bản làm việc ngày 10/7/2020, bà C trình bày trước đây gia đình bà có chuyển nhượng cho ông K một phần đất cặp phía Bắc lô đất mà ông K được Nhà nước cấp có chiều ngang cạnh phía Đông chỉ khoảng 0,4m, dài hết đất chứ không phải chiều ngang 1,2m như ông K trình bày.

Như vậy, vào năm 1985, ông K được giao một lô đất có chiều ngang cạnh phía Đông là 04m, sau đó ông K nhận chuyển nhượng thêm cạnh phía Đông của bà C thêm khoảng 0,4m nữa như lời trình bày của bà C nên ngày 12/12/2003, ông K được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa số 10, tổng diện tích $111,1m^2$ với cạnh phía Đông của thửa số 10 giáp với Hẻm đường D có chiều ngang là 4,42m. Ông K cho rằng sau khi được giao lô đất có chiều ngang cạnh phía Đông là 04m vào năm 1985, thì cũng trong năm 1985, ông K nhận chuyển nhượng thêm của bà C một phần đất có chiều ngang là 1,2m nên cạnh phía Đông có chiều ngang tổng cộng là 5,2m nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu phía bà L trả $2,4m^2$ đất, loại đất ODT, thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 2-6-1, tọa lạc tại Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An là có căn cứ và đúng theo quy định tại các Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Từ nhận định ở đoạn [4], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nghê K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông Nghê K, sinh năm 1952, tính đến nay đã hơn 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009 và có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Do đó, ông Nghê K được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

[7] Về chi phí tố tụng (gồm chi phí đo đạc, thẩm định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ): Tổng cộng là 6.929.000 đồng và phía nguyên đơn là ông Nghê K đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng. Do Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, ông K phải chịu tổng cộng 6.929.000 đồng tiền chi phí tố tụng và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nghê K.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 27, Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nghê K về việc yêu cầu bà Lý Kim L trả 2,4m² đất, thuộc một phần thửa số 11, tờ bản đồ số 2-6-1, tọa lạc tại Phường 1, thị xã T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 143-2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thị xã T đo vẽ và duyệt ngày 02/12/2020.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nghê K phải chịu 6.929.000 đồng (sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng) và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nghê K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nghê K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn